

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIỂU SỐ 01
TỔNG HỢP CHUNG DANH SÁCH VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN TÍNH GIẢN BIÊN CHẾ
THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 29/2023/NĐ-CP ĐỢT 2 NĂM 2025
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH
(Kèm theo Quyết định số 1056/QĐ-UBND ngày 29/5 /2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

ĐVT: 1.000 đồng

TT	Họ và tên	Nữ (X)	Ngày tháng năm sinh	Trình độ đào tạo (ghi cụ thể chuyên ngành)	Chức vụ/ Chức danh đang đảm nhiệm	Lương ngạch,bậc hiện giữ		Phụ cấp chức vụ (nếu có)		Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)		Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)		Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)		Lương ngạch, bậc trước liền kề						Tiền lương tháng để tính trợ cấp do đóng BHXH (1000đ)	Số năm đóng BHXH theo sổ BHXH		Tuổi khi giải quyết tính giản biên chế	Thời điểm tính giản biên chế	Chính sách được hưởng		Kinh phí để thực hiện chính sách	Lý do tính giản	
						Hệ số lương	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số	Thời điểm hưởng	Hệ số lương	PC TNV K	TNN	PC CV	Bảo lưu	Thời điểm hưởng		Tổng số	số năm làm cv nặng nhọc, độc hại			Hưu trước tuổi	Thôi việc ngay			
1	2	3	4	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	
A	KHỐI SỰ NGHIỆP: 01 NGƯỜI																														
	HƯU TRƯỚC TUỔI: 01																														
	ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐẢM BẢO HOÀN TOÀN: 01																														
1	Nguyễn Văn Mười		10/5/1968	Đại học Sư phạm Tiểu học	Giáo viên Trường tiểu học Hòa Thạnh	5.36	01/9/2023			33%	01/06/2020					4.65		33%			01/06/2020	11,871.912	39.09		57.00	01/6/2025	x		356,157,360	Theo điểm đ khoản 1 Điều 2 Nghị định số 29/2023/NĐ-CP; năm học 2023-2024 xếp loại chất lượng: Không hoàn thành nhiệm vụ, cá nhân có đơn tự nguyện thực hiện tính giản biên chế, được đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý	
										33%	01/09/2020					4.98		33%			01/09/2020										
										34%	01/03/2021					4.98		34%			01/03/2021										
										35%	01/03/2022					4.98		35%			01/03/2022										
										36%	01/03/2023					4.98		36%			01/03/2023										
										36%	01/07/2023					5.02		36%			01/07/2023										
										36%	01/09/2023					5.36		36%			01/09/2023										
										37%	01/03/2024					5.36		37%			01/03/2024										
										37%	01/07/2024					5.36		37%			01/07/2024										
										38%	01/03/2025					5.36		38%			01/03/2025										
Tổng cộng		Khối sự nghiệp: 01					Sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 01										Hưu trước tuổi: 01		Thôi việc ngay: 0		Kinh phí thực hiện					356,157,360					